

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS - PT.

Ngày 19-7-2021

*“V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền;

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/DSPT ngày 17/3/2021 Về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS- ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐ - PT ngày 27/4/2021; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 39/TB- TA ngày 17/5/2021, thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 56/TB- TA ngày 28/5/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐ – PT ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P - Sinh năm 1969 (có mặt);

Trú tại: Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* 1. Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1964 (vắng mặt);

2. Cụ Giáp Thị T - Sinh năm 1927 (vắng mặt).

Đều trú tại: Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

-Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D và cụ Giáp Thị T: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1. Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1991(đã chết ngày 12/10/2015).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn H: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1969 (có mặt); Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Phố Kép, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang .

2. Anh Nguyễn Văn PH, sinh năm 1992 (có mặt);

3. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1996 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn PH, chị Nguyễn Thị K: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1969 (có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Giáp Văn Đ, sinh năm: 1954 (đã chết ngày 06/5/2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Giáp Văn Đ: Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1957 (vắng mặt);

Trú tại: Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Dương Văn N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Trú tại: Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Trần Quang Đ - sinh năm 1970 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố N G, Phường X G, thành phố B G.

7. Bà Nguyễn Thị TK, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Trú tại: Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

8. Bà Nguyễn Thị NH, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Trú tại: Số nhà 02, đường Đ T N, phường V P, thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn M T, xã T H, huyện L N, tỉnh bắc Giang.

10. Bà Nguyễn Thị Ha, sinh năm 1961 (đã chết ngày 28/6/2015).

Địa chỉ: Thôn M K, xã N H, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ha: Bà Giáp Thị T - Sinh năm 1927; trú tại: Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Anh Phạm Vinh Hi, sinh năm 1987, anh Phạm Quang HƯ, sinh năm 1987, chị Phạm Thu A, sinh năm 1996 cùng địa chỉ: Khu M K, thị trấn C, huyện L N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M K, xã N H, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

11. Bà Nguyễn Thị ĐA - sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

12. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

13. Ủy ban nhân dân xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Đức V - Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

14. Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang do ông Mai VD - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị P trình bày:

Năm 1988 bà kết hôn cùng ông Nguyễn Văn PA và về ở chung với bố mẹ ông Nguyễn Văn PA là cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T tại thôn Kép 2a, xã H G, huyện L N trong ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất khoảng 02 sào và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Nguyễn Văn HU cụ Giáp Thị T. Năm 1991 Nhà nước có chính sách chia lại ruộng đất nên gia đình bà được chia tổng diện tích 3696 m² ruộng canh tác gồm các thửa tại các xứ đồng sau đây:

- Xứ đồng Ao Trông (có 06 thửa, tổng diện tích 1.608m²) gồm có các thửa: thửa 1 diện tích 432m²; thửa 2 diện tích 264m²; thửa 3 diện tích 216m²; thửa 4 diện tích 384m²; thửa 5 diện tích 48m²; thửa 11 diện tích 264m².

- Xứ đồng Cửa Tôn diện tích 336m²;

- Xứ đồng sau Ủy ban diện tích 312m²;

- Xứ đồng Trại Chán diện tích 192m²;

- Xứ đồng Cửa Ủy ban diện tích 168m²;

- Xứ đồng Cửa trường diện tích 1080m².

Tổng diện tích đất ruộng trên được chia cho 06 nhân khẩu chính là các ông bà sau: Cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T (là bố mẹ chồng), ông Nguyễn Văn PA (chồng bà Phạm Thị P), bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị P, anh Nguyễn Văn H (con bà Phạm Thị P). Năm 1992 bà Phạm Thị P sinh thêm cháu Nguyễn Văn PH do quỹ đất còn thừa nên được chia thêm 0,5 định xuất.

Ngoài ra còn có 700m² đất thổ cư và 88m² đất thổ canh. Tổng diện tích đất 4.484m² do ông Nguyễn Văn PA đứng tên chủ hộ.

Năm 1990, hai vợ chồng bà xin đất và được UBND xã H G đồng ý cấp 400m² đất ở tại khu Đông Đông, thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N. Sau đó ông bà khai phá trồng cây. Đến năm 1994, thực hiện chủ trương bán đồi bãi hoang hóa để làm đường điện của

thôn, thôn đã đi đo toàn bộ diện tích vỡ hoang, trong đó có thửa đất của vợ chồng bà và thôn đã bán cho vợ chồng bà 500 đồng/m² nên được cấp sổ với diện tích 2295 m² và bà mua thêm diện tích 360 m² đất ruộng chân cao ở xứ đồng Đông Đông của bà Nguyễn Thị May liền kề với diện tích đất 2295m².

Năm 1996 ông Nguyễn Văn PA chết, năm 1997 bà ra ở riêng tại khu Đông Đông trên diện tích đất 2295m² và 360 m² đất mua của bà May. Năm 1999 bà kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 do bà làm chủ hộ với các diện tích đất gồm: Đất ruộng ở xứ đồng Ao Trông thửa 646 diện tích 696m² và thửa 647 diện tích 384m²; xứ đồng Sau Quán thửa 648 diện tích 408m²; Xứ đồng Sau Ủy ban thửa 649 diện tích 168m²; Khu Đông Đông thửa 650 diện tích 360m² và 2295m² là đất trồng cây lâu năm.

Năm 1991 ông Nguyễn Văn PA đã đổi cho chị Nguyễn Thị Ha (là chị gái đã lấy chồng) để nhận về các thửa sau:

+ 02 thửa diện tích 360 m² xứ đồng Ao Lác (2 thửa này chị Ha đổi cho anh Trần Văn T người cùng thôn). Nội dung chuyển ruộng từ chị Ha sang anh T có thể hiện trên sổ địa chính năm 1993 tại xã H G trang 94 của chị Hạt, trang 115 của anh Tài. Diện tích 360 m² này sau này Nhà nước thu hồi và quy đổi cho gia đình bà được 1,8 suất dân cư tại khu Ngã ba Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 20/01/1995 ông Nguyễn Văn PA đã bán cho ông Nguyễn Văn S ở thôn Trong, xã H G diện tích 55m² (tại một phần thửa 1 xứ đồng Ao Trông).

Năm 1997 xã quy hoạch làm trường học thu hồi của gia đình thửa số 10 diện tích 1080 m², cụ Nguyễn Văn HU là người nhận tiền đền bù.

Năm 1997 cụ Nguyễn Văn HU đổi cho ông Giáp Văn Li người cùng thôn thửa đất có diện tích 312m² tại xứ đồng Sau Ủy ban lấy diện tích 408 m² ở xứ đồng Cửa ông Căn hiện nay là diện tích 432 m² tại xứ đồng Độc Hồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị D.

Ngày 24/10/1994 ông Nguyễn Văn PA mua của Lê Thị M 360 m² tại khu Đông Đông (có thể hiện bổ sung trên sổ địa chính năm 1993 trang 102 hộ ông Nguyễn Văn PA). Phần diện tích này gia đình chuyển đổi thành đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận tên hộ bà Phạm Thị P từ năm 1999.

Do điều kiện kinh tế khó khăn đến năm 2001 bà nhờ bố chồng là cụ Nguyễn Văn HU trông nhà ở khu đất Đông Đông để bà ra ngoài mặt đường ở Phố Kép - Hồng Giang buôn bán. Năm 2003 UBND xã đã gọi bà và cụ Nguyễn Văn HU ra để kê khai lại ruộng đất nhưng không thống nhất được. Năm 2012 cụ Nguyễn Văn HU chết cụ Giáp Thị T

về ở với ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị D ở một mình trên diện tích 2295m² và 360m² đất vườn; 700m² đất ở khu Đông Đông. Đầu năm 2015 bà đổ đất ở khu Ao Trông và yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả bà diện tích đất ở khu Đông Đông thì bà mới biết UBND xã H G đó làm thủ tục chuyển một số diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị P số: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 cụ thể diện tích 2.295 m² đất vườn ở khu Đông Đông cho bà Nguyễn Thị D là con gái của cụ Nguyễn Văn HU sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02021 QSDĐ/2027QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị D.

Đồng thời UBND xã H G cũng làm thủ tục chuyển diện tích đất thuộc các thửa số 646, diện tích 696 m² tách thành 432m² và 384m² thì diện tích đất 432m² và thửa số 647 diện tích 384 m² đều ở khu vực Ao Trông sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02022 QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ cụ Nguyễn Văn HU.

Bà không được nhận Quyết định số 1342/QĐ - CT ngày 25/11/2002 của Chủ tịch UBND huyện L N về việc giải quyết đơn đề nghị của cụ Nguyễn Văn HU có nội dung thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 đã cấp tên hộ bà Phạm Thị P. Vì vậy bà vẫn canh tác sử dụng các diện tích đất theo giấy chứng nhận đã được cấp. Bà đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02021/QSDĐ/2027QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02022 /QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ cụ Nguyễn Văn HU.

Do cụ Nguyễn Văn HU đã chết, bà đề nghị Tòa án buộc cụ Giáp Thị T phải trả lại bà một phần diện tích đất tại thửa số 646 là 432 m² ở Ao Trông và thửa số 647 diện tích 384 m² ở khu vực Ao Trông hiện bà T vợ ông Đ đang canh tác sử dụng trồng cam. Hai thửa ruộng trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 tên hộ bà Phạm Thị P.

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho bà diện tích đất 360m² và 2295 m² (hiện trạng là 2833m²) đất trồng cây lâu năm tại khu Đông Đông được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị D. Trả lại bà diện tích đất 700m² trong đó 400m² đất ở, 300m² tại khu Đông Đông bà Nguyễn Thị D được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/11/2002 hiện bà Nguyễn Thị D đang quản lý. Thửa đất 700m² trong đó 400m² đất ở, 300m² tại khu Đông Đông là tiêu chuẩn của vợ chồng bà được chia cho ra ở riêng và có tên hộ ông Nguyễn Văn PA trong sổ địa chính năm 1993.

Đối với thửa ruộng bà Nguyễn Thị D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 432 m² (diện tích hiện trạng 510,7m²) ở khu Dộc Hồ là tiêu chuẩn của bà Nguyễn Thị D bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Thửa số 648 diện tích 408 m² ở khu vực Sau Quán đã vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 tên hộ bà Phạm Thị P, hiện tại không xác định được vị trí trên thực địa, không xác định được diện tích bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản Phạm Thị P tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo, ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D và cụ Giáp Thị T trình bày:

Năm 1988 bà Phạm Thị P kết hôn với ông Nguyễn Văn PA và về ở chung với bố mẹ chồng là cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T tại thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N trong ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất khoảng 04 sào, đến nay chưa đề nghị cấp GCNQSDĐ. Năm 1988 đến 1991 Nhà nước có chính sách chia lại ruộng đất, hộ gia đình cụ Nguyễn Văn HU được chia các thửa ruộng sau:

- Xứ đồng Ao Trông: Thửa 1 diện tích 432m²; thửa 2 diện tích 264m²; thửa 3 diện tích 216m²; thửa 4 diện tích 384m²; thửa 5 diện tích 48m²; thửa 11 diện tích 264m².
- Xứ đồng Cửa Tôn diện tích 336m²;
- Xứ đồng Sau Ủy ban diện tích 312m²;
- Xứ đồng Trại Chán diện tích 192m²;
- Xứ đồng Cửa Ủy ban diện tích 168m²;
- Xứ đồng Cửa trường diện tích 1080m².

Tổng là 3696m² đất ruộng cấy chia cho 06 khẩu cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T, ông Nguyễn Văn PA, bà Phạm Thị P, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn H (là con ông Nguyễn Văn PA, bà Phạm Thị P). Ngoài ra còn có 700m² đất thổ cư và 88m² đất thổ canh. Được tổng diện tích đất 4.484m² do ông Nguyễn Văn PA đại diện đứng tên chủ hộ.

Quá trình sử dụng đất, vào tháng 4 năm 1994, ông Nguyễn Văn PA dùng 696 m² gồm 03 thửa tại xứ đồng Ao Trông gồm các thửa: Thửa 4 diện tích 384m², thửa 5 diện tích 48m², thửa 11 diện tích 264m². Tổng cộng diện tích là 696m² đổi cho bà Nguyễn Thị Ha (là chị gái ông đã tách ra ở riêng) để nhận về :

+ 02 thửa có tổng diện tích 360 m² xứ đồng Ao Lác. Sau này Nhà nước thu hồi và quy đổi cho gia đình được 1,8 suất đất dân cư tại khu Ngã ba Phố K, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Hiện mẹ con bà Phạm Thị P đã làm nhà ở và sinh sống trên đất.

Thửa ruộng ở xứ đồng Ao Trông diện tích 432m² năm 1995 và năm 2003 ông Nguyễn Văn PA đã bán cho ông Nguyễn Văn S ở thôn Trong, xã H G diện tích 55 m², bán cho anh Dương Văn N 66m². Năm 1997 xã quy hoạch làm trường học thu hồi diện tích 1080 m² xứ đồng Cửa Trường nhưng ai được nhận tiền đền bù thì ông không rõ. Cũng vào năm 1997 cụ Nguyễn Văn HU đổi cho ông Giáp Văn Li người cùng thôn thửa 7 diện tích 312m² ở xứ đồng Sau Ủy ban để lấy thửa ruộng có diện tích 408 m² tại Cửa ông Cẩn (nay là thửa ruộng tại khu Dộc Hồ có diện tích hiện trạng là 510,7m²).

Năm 1994 ông Nguyễn Văn PA đã mua của bà Lê Thị M một thửa 360 m² tại khu Đông Đông. Phần diện tích này hiện gia đình đào ao và kê khai trong sổ đỏ của bà Phạm Thị P, hiện bà Nguyễn Thị D đang quản lý, sử dụng.

Năm 1994 thôn đã thu tiền thửa đất bãi tại khu Đông Đông với giá 500 đồng/m² để được cấp sổ đỏ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Nguyễn Thị D với diện tích 2295 m² và 700m² là diện tích do bà Phạm Thị P tự kê khai cho bà Nguyễn Thị D.

Bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cụ Giáp Thị T phải trả lại đất ruộng theo Giấy chứng nhận diện tích 384m² và 432m² tại xứ đồng Ao Trông; buộc bà Nguyễn Thị D phải trả lại đất trồng cây lâu năm và đất ở theo giấy chứng nhận diện tích 360m²; 2295 m² và 700m² tại khu Đông Đông ông không đồng ý. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đề nghị Tòa án Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02021/QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho bà Nguyễn Thị D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02022 /QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ cụ Nguyễn Văn HU.

Về chi phí định giá, ông xác định ông đã có đơn đề nghị thẩm định, định giá ngày 17/12/2019 nên ông nhận chịu chi phí thẩm định, định giá ngày 17/12/2019.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà là chị gái của ông Nguyễn Văn PA (chồng bà Phạm Thị P). Do bà thường xuyên đau ốm nên không xây dựng gia đình. Vì vậy khi địa phương có chính sách chia ruộng đất thì bà vẫn cùng hộ gia đình ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU nên diện tích đất được lưu tại sổ địa chính xã H G có định suất ruộng của bà trong đó. Nhưng nay có một số diện tích đã đổi, bán cho một số hộ dân, một phần Nhà nước thu hồi. Bà Phạm Thị P khởi kiện bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật số đất còn lại của gia đình.

Bà Phạm Thị P yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà và yêu cầu đòi diện tích đất ở đã cấp cho bà, bà xác định do bà không xây dựng gia đình nên được địa phương cấp đất cho ra ở riêng không liên quan đến diện tích đất thổ cư tên ông Nguyễn Văn PA trong sổ địa chính. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn cụ Giáp Thị T trình bày:

Cụ là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn PA. Ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU đã chết, ruộng đất gia đình được chia theo định suất đã đã đổi, bán cho một số hộ dân và Nhà nước thu hồi nên không còn đầy đủ. Bà Phạm Thị P khởi kiện cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp tên hộ cụ Nguyễn Văn HU vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02022/QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) ngày 01/10/2003 thì cụ xác định khi cấp giấy chứng nhận, hộ gia đình cụ gồm có cụ Nguyễn Văn HU, cụ và con là bà Nguyễn Thị D, trước khi chết cụ Nguyễn Văn HU đã cùng cụ làm di chúc cho anh Nguyễn Văn S. Cụ Nguyễn Văn HU đã chết cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn PH đều thống nhất trình bày:

Diện tích đất bà Phạm Thị P khởi kiện là của gia đình anh. Diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số sổ: 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 do bà Phạm Thị P làm chủ hộ đứng tên sổ đỏ có định suất đất nông nghiệp các anh được chia. Anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn PH hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị không được chia đất nông nghiệp tại xã H G, huyện L N. Bà Phạm Thị P khởi kiện chị hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ha là anh Phạm Vinh Hi, chị Phạm Thu A trình bày:

Thừa ruộng có diện tích 384m² tại sùr đồng của ông Đ và 312 m² tại xứ đồng cửa ông Đ mẹ anh chị là bà Nguyễn Thị Ha đã để lại cho cụ Nguyễn Văn HU và ông Nguyễn Văn S là định suất của bà Nguyễn Thị Ha, nhưng bà Nguyễn Thị Ha đã chuyển nhượng xong nên anh chị không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị TK trình bày:

Bà là con của cụ Giáp Thị T và cụ Nguyễn Văn HU bà không được chia định suất ruộng trong hộ gia đình. Nay bà cũng không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp. Vì vậy bà không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông là con của cụ Giáp Thị T và cụ Nguyễn Văn HU. Khi nhà nước có chính sách chia lại ruộng đất từ năm 1988 đến năm 1991 tại xã H G, huyện L N, ông có được chia định suất ruộng cùng hộ cụ Nguyễn Văn HU. Sau khi xây dựng gia đình ông đã tách sổ ra ở riêng từ khoảng năm 1989 nên ông không còn định suất ruộng trong hộ gia đình cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo đúng pháp luật.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị ĐA trình bày:

Bà là con của cụ Giáp Thị T và cụ Nguyễn Văn HU. Từ năm 1988 đến năm 1991 nhà nước có chính sách chia lại ruộng đất bà vẫn sống cùng gia đình và được hưởng 3 thước phần trăm. Bà Phạm Thị P khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất ruộng cấy, đất vườn, đất ở với mẹ cụ Giáp Thị T, bà Nguyễn Thị D, bà không có nhu cầu sử dụng số đất nên bà cho cụ Giáp Thị T, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn S.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là con của cụ Giáp Thị T và cụ Nguyễn Văn HU. Năm 1988 đến năm 1991 Nhà nước chia lại ruộng đất bà đã lấy chồng và ra ở riêng nên bà không được chia định suất ruộng trong hộ gia đình cụ Nguyễn Văn HU. Bà không có ý kiến, không có đề nghị gì.

Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Do ông Mai VD - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Về căn cứ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 đã cấp cho hộ bà Phạm Thị P.

Ngày 25/11/2002, Chủ tịch UBND huyện L N ban hành Quyết định số 1342/QĐ-CT V/v giải quyết đơn đề nghị của cụ Nguyễn Văn HU thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N căn cứ vào các quy định của pháp luật tại thời điểm đó (năm 2002) và Văn bản số 254/KL-ĐCNN ngày 20/11/2002 của Phòng Địa chính Nông nghiệp huyện “V/v giải quyết đơn đề nghị của cụ Nguyễn Văn HU thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N. Tại Điều 1 của Quyết định

1342/QĐ-CT có gì lý do thu hồi là: “Do trong gia đình có tranh chấp người đứng tên chủ hộ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

2. Về trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Phạm Thị P.

Thực hiện Quyết định 1342/QĐ-CT, ngày 26/5/2003 Phòng Địa chính Nông nghiệp huyện đã ban hành Thông báo số 118/TB-ĐCNN V/v thu hồi GCNQSD đất gửi UBND xã H G và cá nhân bà Phạm Thị P.

Theo Báo cáo ngày 28/7/2003 của UBND xã H G có thể khẳng định bà Phạm Thị P đã nhận được Quyết định số 1342/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện và Thông báo số 118/TB-ĐCNN của Phòng Địa chính Nông nghiệp huyện từ trước ngày 28/7/2003.

3. Về việc giải quyết đơn đề nghị của bà Phạm Thị P.

Ngày 29/5/2012, bà Phạm Thị P có đơn khiếu nại một số nội dung liên quan đến việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Sau khi xem xét Chủ tịch UBND huyện L N đã giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện để trả lời công dân.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 377^A/BC-TNMT ngày 07/9/2012 báo cáo kết quả xác minh đơn của bà Phạm Thị P trú tại phố Kép, xã H G. Ngày 11/9/2012, Chủ tịch UBND huyện L N đã có 1003/UBND-TNMT V/v trả lời đơn của bà Phạm Thị P, phố Kép, xã H G.

4. Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02021 cho hộ bà Nguyễn Thị D và số 02022 cho hộ cụ Nguyễn Văn HU ngày 01/10/2003.

Theo hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L N cho thấy: Tại thời điểm năm 2003, UBND xã H G đã thiết lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị D và hộ cụ Nguyễn Văn HU là đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở hồ sơ do UBND xã H G lập và đề nghị của Phòng Địa chính Nông nghiệp huyện tại tờ trình số 217/TT-ĐCNN ngày 26/9/2003, UBND huyện L N đã ban hành Quyết định số 2027/QĐ-UB ngày 01/10/2003 V/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ 02021 cho hộ bà Nguyễn Thị D và số 02022 cho hộ ông Nguyễn Văn HU).

Ngày 14/3/2003, cụ Nguyễn Văn HU đã tổ chức họp gia đình để chia đất cho các con, có sự chứng kiến của ông Giáp Văn Phong- cán bộ địa chính xã H G (đồng thời là người ghi biên bản). Tại biên bản làm việc, cụ Nguyễn Văn HU đã phân chia đất cho từng người (ông Hiếu, bà Nguyễn Thị D, bà Phạm Thị P) nhưng bà Phạm Thị P không nhất trí và không ký biên bản.

Tại tờ trình số 30/TT-UB ngày 18/9/2003 của UBND xã H G V/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi rõ số đơn đủ điều kiện cấp GCN là 02 đơn, đồng nghĩa với việc thừa đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

5. Việc chênh lệch diện tích giữa hiện trạng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Việc chênh lệch diện tích giữa hiện trạng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp do nhiều nguyên nhân như: Việc chuyển quyền, nhận chuyển quyền nhưng không làm thủ tục theo quy định; việc khai phá, mở rộng thêm sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sai số do đo đạc (do trước đây đo bằng phương pháp thủ công tính toán không chính xác, nay đo bằng phương pháp hiện đại, độ chính xác cao). Đề nghị đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ nguyên nhân chênh lệch diện tích.

*** Ủy ban nhân dân xã H G huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Do ông Bùi Đức V - Chủ tịch UBND xã H G đại diện trình bày:**

Về trình tự thủ tục cấp giấy CNQSDĐ: Theo các tài liệu có trong hồ sơ cấp đất thì các thửa đất được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Nguyễn Văn HU và hộ bà Nguyễn Thị D đều được UBND xã lập thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT - TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên trong hồ sơ cấp đất có Biên bản làm việc ngày 14/3/2003 thể hiện UBND xã gọi bà Phạm Thị P và cụ Nguyễn Văn HU ra kê khai ruộng đất để cấp lại GCNQSDĐ, nhưng tại buổi làm việc, do không thống nhất được việc chia ruộng, bà Phạm Thị P đã bỏ về, biên bản không có chữ ký của cụ Nguyễn Văn HU, chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Văn Sự.

Tại công văn ngày 22/12/2017 UBND xã H G đã có văn bản trả lời:

UBND xã đã tìm, nhưng do thời gian đã lâu nên không lưu các biên lai (phiếu thu, phiếu chi) như yêu cầu của Tòa án mà chỉ còn lưu Sổ theo dõi tài khoản: Quỹ ngân sách xã; Sổ quỹ tiền mặt năm 1995, 1996, 1997 có các nội dung cụ thể:

Tháng 12/1995 tại mục thu số 160: Thu lệ phí dân cư trực 31(Kha) 19.000.000đồng.

Tháng 4/1996 là mục chi số 07: Trả tiền đền bù đất quy hoạch trường 5.170.800đồng.

Tháng 01/1997 tại mục thu số 06: Thu nợ đất dân cư của Kha Kép là 2.040.000đồng.

Ông Giáp Văn Đ - Sinh năm: 1954 (đã chết ngày 06/5/2019) do bà Trương Thị Th kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Năm 2012 chồng bà là ông Giáp Văn Đ đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 684 diện tích 312 m² tại xứ đồng Cửa Ông Đ tờ bản đồ số 1 của bà Nguyễn Thị Ha. Thửa đất này đã được sang tên 26/7/2012.

Thửa đất diện tích 384m² tại xứ đồng Cửa Ông Đ, gia đình bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ha từ năm 2012, gia đình bà đã trả tiền và canh tác sử dụng trồng cam. Việc tranh chấp đất đai do bà Phạm Thị P khởi kiện bà đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn N trình bày:

Ông có 01 lô đất ở diện tích 60m² tại phố Kép, xã H G đã được cấp giấy chứng nhận năm 2009, sau đó ông có mua thêm của cụ Nguyễn Văn HU 60m² đất ruộng cấy, khi mua bán hai bên chỉ làm giấy tờ viết tay. Sau đó ông xây vành lao để giữ đất thì bà Phạm Thị P không cho xây vì đất đang có tranh chấp. Ông đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của ông.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang Đ trình bày:

Năm 2004 ông có nhận chuyển nhượng 66m² đất tại khu Ao Trông của cụ Nguyễn Văn HU vào ngày 28/7/2004 nhưng chưa làm thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của cụ Nguyễn Văn HU, do ông không còn nhu cầu sử dụng diện tích đất trên nên ông đã chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn N nên ông không còn liên quan gì.

**** Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2017 với ông Bùi Văn Tôn, sinh năm 1943; Bà Trần Thị Đội, sinh năm 1949; đều trú tại: Thôn Kép, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cho biết:*** Vợ chồng ông bà xác nhận vào năm 1994 ông Nguyễn Văn PA đã chuyển nhượng cho ông bà thửa ruộng có diện tích 336 m² tại xứ Đồng cửa Tôn. Thửa ruộng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn PA vợ chồng ông bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay không có tranh chấp.

**** Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2017 với bà Trần Thị Út, sinh năm 1940; Trú tại: Thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cho biết:*** Trước khi ông Nguyễn Văn PA chết, ông Nguyễn Văn PA có đôi thửa ruộng có diện tích 312m² tại xứ Đồng Sau uỷ ban để lấy thửa ruộng có diện tích 408m² tại xứ Đồng Cửa ông Căn với gia đình bà nhưng chưa làm thủ tục. từ khi đôi thửa ruộng đến nay gia đình bà sử dụng ổn định và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng đối với ông Nguyễn Văn PA, không có tranh chấp gì.

*** Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2017 với ông Trần Văn Liệp, sinh năm 1943; Trú tại: Thôn Bãi Bông, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cho biết:** Vào khoảng cuối năm 1994 đầu năm 1995, ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn PA 1 thửa ruộng tại khu Trại Chán có diện tích 192m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp gì.

*** Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2017 với ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn Trong, xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cho biết:** Vào khoảng năm 1993, ông có nhận chuyển nhượng một phần đất ruộng cấy của ông Nguyễn Văn PA tại xứ đồng Ao Trông chiều rộng là 5m, chiều sâu 12m, tổng diện tích là 60m^2 . Sau khi nhận chuyển nhượng hai bên đã sang tên chuyển sổ. Diện tích đất này ông đã chuyển mục đích sử dụng sang đất ở và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp gì.

*** Tại biên bản xác minh ngày 21/9/2018 với ông Giáp Văn Kiệm - Nguyên Chủ tịch xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang giai đoạn năm 1989 - 2000 cho biết:** Định suất ruộng cho mỗi nhân khẩu tại thôn Kép 2A, xã H G, những khẩu sinh trước ngày 30/8/1991 được chia ruộng, những khẩu sinh sau ngày 30/8/1991 không được chia. Về diện tích đất thổ cư đã được cấp tên Nguyễn Văn PA (ghi trong sổ địa chính) ông xác định là đất chung cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU trong làng Kép 2A, xã H G diện tích 88m^2 đất thổ canh là cùng trong thửa đất 700m^2 đất thổ cư, mục đích sử dụng là canh tác trồng cây lâu năm, tổng là 788m^2 . Diện tích đất này gia đình ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU vẫn chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) theo qui định. Về diện tích đất 700m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị D, trong đó 400m^2 đất ở, 300m^2 đất trồng cây lâu năm, do bà Nguyễn Thị D không xây dựng gia đình nên địa phương cấp đất cho bà Nguyễn Thị D ra ở riêng, không liên quan gì đến diện tích đất thổ cư, thổ canh tên hộ ông Nguyễn Văn PA trong sổ địa chính.

*** Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2018 với ông Vi Văn Hùng - Nguyên là phó chủ nhiệm hợp tác xã (cán bộ quản lý ruộng đất) xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cho biết:** Về quy định định suất ruộng cho mỗi nhân khẩu tại thôn Kép 2A, xã H G. Những khẩu sinh trước ngày 30/8/1991 thì được chia ruộng, những khẩu sinh sau ngày 30/8/1991 thì không được chia. Về diện tích đất thổ cư đã được cấp tên Nguyễn Văn PA (ghi trong sổ địa chính) là đất chung cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU trong làng Kép 2A cũ, xã H G diện tích 88m^2 đất thổ canh là cùng trong thửa đất 700m^2 đất thổ cư, mục đích sử dụng là canh tác trồng cây lâu năm, tổng là 788m^2 , ông Nguyễn Văn PA, cụ Nguyễn Văn HU vẫn chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất (sổ đỏ) theo qui định. Diện tích đất 700 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Nguyễn Thị D, trong đó 400 m² đất ở, 300 m² đất trồng cây lâu năm là do bà Nguyễn Thị D không xây dựng gia đình nên được chia cho bà Nguyễn Thị D ra ở riêng, không liên quan gì đến diện tích đất thổ cư, thổ canh tên hộ ông Nguyễn Văn PA trong sổ địa chính.

**** Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2020 với ông Giáp Văn Phong - Nguyên là công chức địa chính xã H G, huyện L N, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1997 - 2012 cho biết:***

Giai đoạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị P năm 1999 là do các hộ tự kê khai diện tích đang trực tiếp sử dụng từ năm 1993 với Ban quản lý thôn (đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trên cơ sở sổ địa chính năm 1993. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Phạm Thị P thì hộ bà Phạm Thị P có việc tranh chấp về người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thời kì đó hộ gia đình ba Pha gồm có bà Phạm Thị P, cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T, bà Nguyễn Thị D và các con của bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn PA. Cụ Nguyễn Văn HU là người có đơn đề nghị xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị P. Ngày 25/11/2002 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L N có quyết định số 1342/QĐ-CT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn HU. Còn việc bà Phạm Thị P có nhận được quyết định số 1342 hay không và nhận vào thời gian nào thì ông không rõ do nội dung quyết định có liên quan đến việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00116/QSDĐ/257/QĐ -UB ngày 25/5/1999 đã cấp mang tên chủ hộ Phạm Thị P. Ngày 14/3/2003 ông trực tiếp lập biên bản làm việc về việc thống nhất kê khai đăng kí sử dụng đất của hộ ông Hiếu, bà Phạm Thị P, tuy nhiên bà Phạm Thị P tự ý bỏ về do không đồng ý với nội dung làm việc và phân chia đất của gia đình nhưng sau khi ghi lại nội dung buổi làm việc cụ Nguyễn Văn HU không ký xác nhận mà để con trai là ông Nguyễn Văn S ký thay và làm đơn đề nghị xã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn HU, bà Nguyễn Thị D.

Sau khi hộ cụ Nguyễn Văn HU được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 816m² đất hai lúa. Về việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 700m² trong đó 400m² đất ở, 300m² đất trồng cây lâu năm cho bà Nguyễn Thị D theo quyết định số 1043/QĐ-UB ngày 01/11/2002 do bà Nguyễn Thị D tự kê khai đề nghị xã H G làm thủ tục và được thôn xét duyệt.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2019 Hội đồng định giá xác định diện tích đất tranh chấp là:

1. Thửa đất ruộng cấy theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA: Tại thửa số 9 Cửa Ủy ban có diện tích $168m^2$. Sau là thửa 649 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Phạm Thị P cấp ngày 25/6/1999 có diện tích thực tế là $193,5m^2$ trị giá 53.793.000đồng trên đất trồng cây cam nhưng bà Phạm Thị P không đề nghị thẩm định, định giá số cây trên đất.

2. Thửa đất ruộng tên hộ bà Nguyễn Thị D được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2003 tại khu Dộc Hồ diện tích $432m^2$ có diện tích thực tế là $510,7m^2$ trị giá 141.974.600đồng trên đất trồng 47 cây bưởi da xanh nhưng bà Phạm Thị P không đề nghị định giá số cây trên đất.

3. Thửa đất tên hộ bà Nguyễn Thị D được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/11/2002 trong đó $400m^2$ đất ở, $300m^2$ đất vườn và thửa đất vườn tên hộ bà Nguyễn Thị D được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2003 có diện tích $2295m^2$. Ngày 25/6/1999 đã được cấp giấy chứng nhận tên hộ bà Phạm Thị P thửa số 651 diện tích $2295m^2$ và thửa số 650 diện tích $360m^2$ tại khu Đông Đông. Theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA diện tích $360m^2$ tại khu Đông Đông mua ngày 24/10/1994 của bà May. Nay các thửa đất trên có tổng diện tích thực tế là $3893m^2$ trong đó có $400m^2$ đất ở, $3493m^2$ đất trồng cây lâu năm tổng trị giá là 1.082.254.000đồng, trên đất trồng 100 cây vải. Ngoài ra còn một số cây vải thanh hà, cây nhãn, quất, na, xoài ... 01 nhà cấp 4 xây từ năm 1997 cùng công trình phụ các bên không đề nghị Hội đồng xem xét thẩm định, định giá.

4. Thửa đất ruộng cấy theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA tại thửa số 01 xứ đồng Ao Trông diện tích $432m^2$; thửa số 02 xứ đồng Ao Trông diện tích $264m^2$. Sau là thửa 646 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Phạm Thị P cấp ngày 25/6/1999 có tổng diện tích là $696m^2$ có diện tích thực tế là $658,8m^2$ trên đất để trống trị giá 183.146.000đồng. Năm 2003 tách một phần sang tên cụ Nguyễn Văn HU diện tích $432m^2$ tại xứ đồng Ao Trông.

5. Thửa đất ruộng cấy theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA tại thửa số 03 xứ đồng Ao Trông diện tích $216m^2$. Sau là thửa 685 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Nguyễn Văn S cấp ngày 25/6/1999 tại xứ đồng Cửa ông Đ hiện để trống có diện tích hiện trạng là $214m^2$ có giá trị là 59.492.000đồng.

6. Thửa đất ông Nguyễn Văn HU, bà Giáp Thị T sinh sống từ trước tại thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N có diện tích lần lượt là $627,9m^2$ và $666,8m^2$. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ và một số cây bụi các bên không đề nghị Hội đồng xem xét thẩm định giá.

7. Thừa đất ruộng cấy theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA tại thửa số 05 xứ đồng Ao Trông diện tích $48m^2$ và thửa số 11 ở xứ đồng Ao Trông diện tích $264m^2$ năm 1999 đã sang tên ở sổ ông Nguyễn Văn S tại tờ bản đồ số 01 thửa 684 diện tích $312m^2$ tại xứ đồng là Cửa ông Đ, năm 2012 ông Nguyễn Văn S đã chuyển nhượng cho ông Giáp Văn Đ và thửa số 4 theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA ở xứ đồng Ao Trông diện tích $384m^2$. Năm 2003 đã sang tên hộ cụ Nguyễn Văn HU tên xứ đồng là Cửa ông Đ đã chuyển nhượng cho ông Giáp Văn Đ, nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển sổ có giá trị là 106.752.000đồng.

Tại biên bản Thẩm định, định giá tài sản ngày 17/12/2019.

Thừa đất ruộng cấy theo sổ địa chính lập năm 1993 trang số 102 tên ông Nguyễn Văn PA: Thửa số 01 xứ đồng Ao Trông diện tích $432m^2$; thửa số 02 xứ đồng Ao Trông diện tích $264m^2$. Sau là thửa 646 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Phạm Thị P cấp ngày 25/6/1999 có tổng diện tích là $696m^2$ có diện tích hiện trạng là $691m^2$ đất để trồng trị giá 191.900.000đồng. Năm 2003 tách một phần sang tên cụ Nguyễn Văn HU diện tích $432m^2$ tại xứ đồng Ao Trông.

Thừa đất có diện tích $80m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T năm 2006: Ngày 09/10/2012 cụ Nguyễn Văn HU tặng cho ông Nguyễn Văn S nay có diện tích hiện trạng là $80m^2$ trong đó $59m^2$ trong phần đất ruộng đã được chuyển đổi sang đất ở sau khi trừ hành lang là 22,2m tính từ tim đường quốc lộ 31.

Thừa đất ruộng tên hộ bà Nguyễn Thị D được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2003 tại khu Dộc Hồ diện tích $432m^2$ có diện tích hiện trạng là $510,7m^2$ trị giá 141.974.600đồng trên đất trồng 47 cây bưởi da xanh. Các đương sự không đề nghị xem xét định giá số cây bưởi trồng trên đất.

Tại biên bản làm việc ngày 18/8/2020, ông Mai VD Phó trưởng phòng TN - MT huyện L N đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L N cho biết.

Theo tài liệu lưu tại UBND huyện L N thì bà Phạm Thị P đã nhận được Quyết định số 1342/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện do đã có Báo cáo của UBND xã H G ngày 28/7/2003. Tuy nhiên hiện UBND huyện chưa tìm được tài liệu nào liên quan đến việc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116/QSĐĐ/257/QĐ-UB ngày 25/5/1999 cấp cho hộ bà Phạm Thị P.

Về ý kiến của bà Phạm Thị P đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Nguyễn Văn HU, bà Nguyễn Thị D ông không có ý kiến.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 40/2020/DS- ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã Quyết định:

- Căn cứ vào Điều 1; 3; 21; 30; 36 Luật đất đai 1993; Điều 106; Điều 127 Luật đất đai 2003. Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2014; Điều 29; Điều 78; Điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tổ tụng hành chính.

- Căn cứ Điều 176 Bộ luật dân sự 1995; Điều 256, Điều 265 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 5; Điều 27; Điều 34 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Điểm đ Điều 12; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi đất trồng cây lâu năm đối với bà Nguyễn Thị D tại khu Đông Đông.

Buộc bà Nguyễn Thị D cùng người liên quan bên bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Phạm Thị P 1.776m² đất trồng cây lâu năm trong đó 1507m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00116/QSDĐ 257/ QĐ - UB cấp ngày 25/6/1999 tên hộ bà Phạm Thị P (thừa 650 diện tích 360m² và 1147m² trong thửa 651 diện tích 2295m²) và 269m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận tại Khu Đông Đông có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía giáp đất ở của bà Nguyễn Thị D và đường đất là: 20,6m; 2,6m; 5,8m.
- Phía giáp đất ông Nhiệm là 11m; 18,6m; 10,9m; 4,2m; 9,6m;
- Phía giáp đất ông Khương là: 7,3m; 20,8m; 13,7m.
- Phía giáp đường bê tông là: 28,6m; 2,5m; 3,0m; 1,8m.
- Phía giáp đất bà Nguyễn Thị D là: 59,0m.

Bà Nguyễn Thị D cùng người liên quan bên bà Nguyễn Thị D sử dụng phần đất còn lại 1.417m² đất trồng cây lâu năm trong đó 1148m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00116/QSDĐ 257/ QĐ - UB cấp ngày 25/6/1999 tên hộ bà Phạm Thị P thửa 651 diện tích 2295m²; số 02021/QSDĐ/2027QĐ-UB(H) ngày 01/10/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị D diện tích 2295m² và 269m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận tại Khu Đông Đông tại Khu Đông Đông có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía giáp đất ở của bà Nguyễn Thị D là: 39,2m.
- Phía giáp đường bê tông là: 3,5m; 3,9m; 8,3m; 4,8m; 5,5m; 4,0m; 3,1m; 14,9m; 4,0m; 23,0m; 3,0m
- Phía giáp đất bà Phạm Thị P là: 59,0m; 2,3m.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị P về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:02021 QSDĐ/2027QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02022 QSDĐ/2027/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện L N cấp ngày 01/10/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn HU.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P về việc kiện đòi 700m² đất ở tại khu Đông Đông với và Nguyễn Thị D có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía giáp đất của bà Phạm Thị P là: 20,6m;
- Phía giáp đường đất là 32,8m;
- Phía giáp đường bê tông là 19,6m;
- Phía giáp đất trồng cây lâu năm của bà Nguyễn Thị D và người liên quan phía bà Nguyễn Thị D là 39,2m;

4. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị P đối với cụ Giáp Thị T và những người liên quan phía cụ Giáp Thị T về việc kiện đòi 247,1m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông, 384m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông (Cửa ông Đ):

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 648 ở xứ đồng Sau Quándiện tích 408m².

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2020, bà Phạm Thị P nộp đơn kháng cáo.

Nội dung bà Phạm Thị P kháng cáo:

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm các nội dung:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P về việc kiện đòi 700m² đất ở tại khu Đông Đông với bà Nguyễn Thị D.

- Bác yêu cầu của bà Phạm Thị P đối với cụ Giáp Thị T và những người liên quan phía cụ Giáp Thị T về việc kiện đòi 247,1m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông, 384m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông (Cửa ông Đ).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 648 ở xứ đồng Sau Quán diện tích 408m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị P không thay đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, cụ Giáp Thị T không thay đổi quan điểm ban đầu, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Bà Phạm Thị P trình bày: Nguồn gốc thửa đất thổ cư 700m² tại khu Đông Đông bà Nguyễn Thị D đang quản lý sử dụng (theo bản đồ địa chính năm 2015 là thửa 212 tờ bản đồ số 32 thôn Phố Kép, xã H G, huyện L N) là do vợ chồng bà khai phá từ năm

1991. Năm 2003 ông Nguyễn Văn S tự làm thủ tục chuyển diện tích đất vợ chồng bà đã khai phá để nhập vào diện tích đất của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bà phát hiện bà Nguyễn Thị D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn S trả đất nhưng không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện bà không đồng ý.

Thửa số 647 diện tích 384 m² ở khu vực Ao Trông, hiện bà Trương Thị Th đang canh tác sử dụng trồng cam, nhưng thửa đất này vẫn còn trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116/QSDĐ cấp ngày 25/6/1999 tên hộ bà Phạm Thị P, bà yêu cầu Cụ Giáp Thị T phải trả cho bà diện tích 384m² tại thửa số 647.

Diện tích 247,1m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông, bà là người đang trực tiếp sử dụng, không có ai tranh chấp lấn chiếm nhưng do quá trình canh tác, ông Nguyễn Văn S cản trở, gây khó khăn, bà yêu cầu cụ Giáp Thị T trả cho bà diện tích đất này.

Thửa đất số 648 ở xứ đồng Sau Quán diện tích 408m², quá trình xem xét thẩm định tại chỗ không xác định được vị trí trên thực địa, không xác định được diện tích nên bà đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất này. Bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà với diện tích 408m² bà không đồng ý. Bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị D phải trả lại bà 700m² đất thổ cư tại khu Đông Đông; buộc cụ Giáp Thị T trả tổng diện tích 631,1m² tại xứ đồng Ao Trông; buộc cụ Giáp Thị T trả lại 408m² tại xứ đồng Sau Quán.

Ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của cụ Giáp Thị T và bà Nguyễn Thị D, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Diện tích đất thổ cư 700m² tại khu Đông Đông bà Nguyễn Thị D đang sử dụng là tiêu chuẩn của địa phương chia cho bà Nguyễn Thị D từ năm 1991 đến năm 2002 bà Nguyễn Thị D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà Phạm Thị P không có tiêu chuẩn chia đất thổ cư của địa phương. Ngoài ra hộ gia đình cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T còn sử dụng tích 700m² đất thổ cư và 88m² đất thổ canh là đất cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T sinh sống từ trước tại thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N trên đất có các tài sản của cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T xây dựng gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ và một số cây bụi, diện tích đất này đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích 384m² ở xứ đồng Ao Trông khi ông Nguyễn Văn PA còn sống ông Kha đã đổi cho bà Nguyễn Thị Ha, sau đó bà Nguyễn Thị Ha bán cho ông Giáp Văn Đ, bà Trương Thị Th, hiện tại cụ Giáp Thị T không sử dụng mà do bà Trương Thị Th đang sử dụng diện tích đất này;

Diện tích 247,1m² là thửa 696 gia đình đã chia xong, hiện tại bà Phạm Thị P đang trực tiếp sử dụng, cụ Giáp Thị T không sử dụng.

Diện tích 408m² xứ đồng Sau Quán đến nay không xác định được vị trí trên thực địa, bà Phạm Thị P đã rút yêu cầu, bản án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này của bà Phạm Thị P là đúng quy định.

Ông không đồng ý kháng cáo của bà Phạm Thị P, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự theo đúng quy định tại Điều 285 BLTTDS; chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm c khoản 1 Điều 286 BLTTDS; thực hiện việc gửi hồ sơ vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu tham gia phiên tòa; việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người kháng cáo, người liên quan đến việc kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 290, Điều 292 BLTTDS.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm: Xét xử đúng, đủ thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; trình tự thủ tục tại phiên tòa đúng quy định tại các Điều 297, 298, 302, 303, 305, 306 BLTTDS.

- Về việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các việc khác theo đúng quy định tại Điều 237 BLTTDS.

Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, 71 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Bị đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, 72 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 của BLTTDS.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Cụ Giáp Thị T, bà Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền có mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng họ không liên quan đến kháng cáo, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cụ Giáp Thị T, bà Nguyễn Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm Thị P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả 700m² đất trong đó 400m² đất ở, 300m² đất trồng cây lâu năm ở khu Đông Đông. Qua xác minh tại địa phương thì do bà Nguyễn Thị D không xây dựng gia đình, nên được địa phương ưu tiên cấp đất để ra ở riêng. Năm 2002 bà Nguyễn Thị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ bà Nguyễn Thị D (theo bản đồ địa chính năm 2015 thì thửa đất này có số thửa 212 đã được dồn vào thửa số 134, tờ bản đồ số 29 (bút lục số 323, 340).

Bà Phạm Thị P căn cứ vào sổ địa chính năm 1993 đã thể hiện hộ ông Nguyễn Văn PA có 700m² đất thổ cư và 88m² đất thổ canh. Quá trình xem xét thẩm tại chỗ xác định được: Diện tích 700m² đất thổ cư và 88m² đất thổ canh là đất cụ Nguyễn Văn HU, cụ Giáp Thị T sinh sống từ trước tại thôn Kép 2A, xã H G, huyện L N, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ và một số cây bụi, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ai. Do đó, bà Phạm Thị P đề nghị đòi 700m² diện tích đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị D tại khu Đông Đông nhưng bà không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Kháng cáo của bà Phạm Thị P yêu cầu cụ Giáp Thị T trả lại diện tích đất 384m² ở xứ đồng Ao Trông (Cửa Ông Đ, theo bản đồ địa chính năm 2015 thì thửa đất này có số thửa 370 tờ bản đồ số 14, bút lục số 337): Nguồn gốc là của bà Phạm Thị P từ năm 1999, năm 2003 đã sang tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Nguyễn Văn HU. Theo tài liệu các bên giao nộp chỉ là bản phô tô giấy chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Ha và ông Giáp Văn Đ, nhưng bà Nguyễn Thị Ha và ông Giáp Văn Đ đều đã chết, hiện tại bà Trương Thị Th đang quản lý sử dụng thửa đất này, cụ Giáp Thị T không quản lý, sử dụng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P buộc cụ Giáp Thị T trả lại cho bà Phạm Thị P thửa đất trên.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà Phạm Thị P yêu cầu cụ Giáp Thị T phải trả lại bà 247,1m² đất (là một phần của thửa số 646 diện tích 432 m² ở xứ đồng Ao Trông, theo bản đồ đại chính năm 2015 là thửa số 30 tờ bản đồ số 32). Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị P khai: Năm 2014 bà đã đổ đất và hiện tại bà vẫn đang trực tiếp canh tác thửa đất số 646 xứ đồng Ao Trông, không có ai tranh chấp lấn chiếm, nhưng quá trình canh bà canh tác ông Nguyễn Văn S gây khó khăn làm ảnh hưởng đến việc canh tác. Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất này bà Phạm Thị P đang trực tiếp canh tác, cụ Giáp Thị T không chiếm giữ, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu cụ Giáp Thị T phải trả đất cho bà là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 166 luật đất đai năm 2013.

[2.4] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị P, không đồng ý bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 648 ở xứ đồng Sau Quán diện tích 408m². Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất ruộng tại thửa 648 diện tích 408m² ở xứ đồng Sau Quán nhưng bà Phạm Thị P không tìm thấy, không xác định được vị trí thửa đất cụ thể ở đâu, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị P đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất này (bút lục số 761). Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kiện đòi diện tích đất ruộng 408m² tại xứ đồng Sau Quán là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS- ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phạm Thị P không được chấp nhận nên bà Phạm Thị P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 296, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS- ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 1, 3 Luật đất đai 1993; Các Điều 106 Luật đất đai 2003; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Căn cứ vào Điều 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 244, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P về việc kiện đòi bà Nguyễn Thị D phải trả 700m² đất (trong đó có 400m² đất ở, 300m² đất vườn) tại khu Đông Đồng có số đo các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh giáp đất của bà Phạm Thị P có số đo: 20,6m; cạnh giáp đường đất có số đo 32,8m; cạnh giáp đường bê tông có số đo 19,6m; cạnh giáp đất trồng cây lâu năm của bà Phạm Thị P có số đo 39,2m (có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P yêu cầu cụ Giáp Thị T trả 247,1m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông có số đo và các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh giáp đất ruộng của bà Phạm Thị P số đo lần lượt là 11,3m; 4,9m; 4,2m; cạnh giáp đất ông Chanh số đo lần lượt là 3,1m; 4,6m; 4,7m; cạnh giáp đất ông Thủ số đo là 12,2m; các cạnh giáp đất ở của ông Nguyễn Văn S có số đo lần lượt là 11,5m; 5,0m; 12,2m; cạnh giáp đất ông Toàn (Sỹ) có số đo lần lượt là 15,7m; 1,4m; 3,1m, cạnh giáp đất ông Quý có số đo lần lượt là 0,7m; 6,7m (có sơ đồ kèm theo bản án).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P yêu cầu cụ Giáp Thị T trả 384m² đất ruộng tại xứ đồng Ao Trông (Cửa ông Đ) có số đo và các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh giáp đất ông Trúc có số đo lần lượt là: 10,3m; 8,2m; 8,7m; 14,3m; 13,4m; cạnh giáp đất cụ Nguyễn Văn HU 8,0m; cạnh giáp đất ông Tuấn có số đo lần lượt là 6,5m; 4,3m; cạnh giáp đất bà Trương Thị Th đang sử dụng có số đo là 53,1m; cạnh giáp đường đất số đo là 2,4m (Có sơ đồ kèm theo).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đối với yêu cầu đòi thừa đất số 648 ở xứ đồng Sau Quándiện tích 408m².

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị P phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Phạm Thị P đã nộp ghi tại biên lai số AA/2019/0001631 ngày 22/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà Phạm Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L N;
- Chi cục THADS huyện L N.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo